

**ĐA DẠNG ỨNG PHÓ VỀ CƯ TRÚ VÀ SINH KẾ SAU THẢM
HỌA THIÊN TAI Ở VÙNG CAO PHÍA BẮC VIỆT NAM:
TRƯỜNG HỢP THÔN TÙNG CHỈ, XÃ TRỊNH TƯỜNG,
HUYỆN BÁT XÁT, TỈNH LÀO CAI**

TS. Phan Phương Anh

Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG Hà Nội

TS. Emmanuel Pannier

Viện nghiên cứu phát triển Pháp (IRD)

CN. Nguyễn Nhật Anh

ThS. Phan Thị Kim Tâm

Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG Hà Nội

Email: phanphuonganh@vnu.edu.vn

Tóm tắt: Năm 2008, một trận lũ quét lịch sử đã cướp đi sinh mạng nhiều người và cuốn trôi hơn hai chục căn nhà của người Dao Đỏ ở thôn Tùng Chỉn (tỉnh Lào Cai). Dựa trên khảo cứu dân tộc học và cách tiếp cận nhân học tổng thể, bài viết này phân tích quá trình thay đổi địa điểm cư trú sau lũ và các điều chỉnh về sinh kế của người dân địa phương. Kết quả nghiên cứu chỉ ra bốn xu hướng chính về chuyển cư sau lũ bao gồm: ở lại các khu tái định cư, lên các khu đất cao hơn (thượng sơn), xuống các khu đất thấp hơn (hạ sơn) và chuyển cư tạm thời đến địa phương khác. Nghiên cứu của chúng tôi chỉ ra rằng, các quyết định lựa chọn địa điểm sinh sống sau lũ của người dân địa phương luôn gắn liền với các cơ hội và chiến lược về sinh kế cũng như chịu ảnh hưởng của các đặc điểm về lối sống, tập quán và văn hóa. Mối liên hệ này đã thể hiện rõ trong đời sống và quá trình chuyển cư từ trước đến nay của người Dao Đỏ. Điều này cho thấy, các chính sách, chương trình hỗ trợ di dời, tái định cư nhằm giảm thiểu rủi ro của cộng đồng với thiên tai nói chung và lũ quét nói riêng cần tính tới các đặc thù về sinh kế, tập quán, văn hóa tại từng địa phương và của từng nhóm dân cư.

Từ khóa: Người Dao, thích ứng, thảm họa thiên tai, sinh kế, cư trú, thượng sơn, hạ sơn.

Abstract: In 2008, a historical flash flood caused many deaths and swept away more than twenty houses of the Red Dao people in Tung Chin village (Lao Cai province). Based on ethnographic research and holistic perspective in anthropology, this article analyses the process of changing places of residence and of adjusting livelihoods of local people after the event. The research results show four main trends in post-flood migration, including: staying in the same resettlement areas, moving to higher ground, going down to lower land and

moving to another locations. Our research indicates that the decisions of local people to choose a place to live after floods are always linked to livelihood opportunities and strategies as well as influenced by lifestyle characteristics, customs and culture. This connection has been evident in the life and migration process of the Red Dao people for long time. Findings of this research suggest that, policies and programs to support relocation and resettlement in order to reduce the community's risks with natural disasters in general and flash floods in particular, need to take into account the characteristics of livelihoods and customs, culture in each locality and of each population group.

Keywords: Yao people, adaptation, natural disasters, livelihood, housing, upper mountain, lower mountain.

Ngày nhận bài: 5/3/2023; ngày gửi phản biện: 8/3/2023; ngày duyệt đăng: 8/4/2023.

Mở đầu

Vào khoảng 4-5 giờ sáng ngày 9 tháng 8 năm 2008, một cơn lũ quét bất ngờ ập đến vùng thung lũng thôn Tùng Chín 1 hay còn gọi là khu làng Hán, xã Trịnh Tường, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Đã mười lăm năm trôi qua, nhưng những ký ức đau thương về trận lũ cướp đi sinh mạng người thân, gia đình, nhà cửa và cả một ngôi làng vẫn còn ám ảnh trong tâm trí người dân Tùng Chín. Nguyên nhân cơn lũ là gì? Điều gì có thể giải thích được sự thiệt hại nặng nề về người và tài sản? Họ đã có những ứng phó như thế nào sau thiên tai? Những ứng phó nào có thể coi là chiến lược thích ứng? Và nếu có các chiến lược thích ứng khác nhau sau thảm họa thiên tai thì điều gì chi phối mỗi chiến lược thích ứng đó?

Dựa trên khảo cứu dân tộc học, bài viết muốn làm nổi bật mối liên hệ giữa nhà ở, chuyển cư và sinh kế trong phục hồi sau lũ. Thông qua 4 đợt điền dã dân tộc học vào năm 2021-2022, trong khoảng 3 tháng, chúng tôi đã tiến hành trên 250 cuộc trò chuyện và phỏng vấn sâu với người dân, cán bộ địa phương, đồng thời thu thập tài liệu thứ cấp tại địa phương, tham gia vào các sự kiện cộng đồng cũng như hoạt động sản xuất của một số hộ gia đình.

Nghiên cứu này bước đầu tìm hiểu và tiếp cận các chiến lược thích ứng sau thiên tai của những người dân bị ảnh hưởng bởi lũ quét, cụ thể ở đây là nhóm cư dân bị thiệt hại nhiều nhất sống tập trung ở thôn Tùng Chín. Trước hết, chúng tôi giới thiệu về địa bàn thôn Tùng Chín và sự phức hợp về hành chính đẳng sau địa danh này. Sau đó, chúng tôi đề cập đến cơn lũ lịch sử năm 2008, miêu tả những thiệt hại về nhà cửa và ruộng nương của các hộ dân bị thiệt hại nặng nề nhất, đồng thời bước đầu tìm hiểu nguyên nhân của cơn lũ cũng như phân tích tính dễ bị tổn thương của họ. Từ đó, chúng tôi tập trung xem xét việc người dân phục hồi sau thảm họa, lựa chọn nơi cư trú mới và thực hiện những chiến lược sinh kế như thế nào, những yếu tố nào tác động đến lựa chọn và lộ trình thích ứng của họ.

1. Địa bàn và tiếp cận nghiên cứu

1.1. Sự hình thành địa giới thôn Tùng Chín

Tính đến đầu năm 2021, xã Trịnh Tường có 16 thôn bản với hơn 1.400 hộ dân, trên 6.500 nhân khẩu và 5 tộc người chính là Dao, Hmông, Hà Nhì, Giáy và Kinh, trong đó Dao và Hmông là hai tộc người có dân số đông nhất (UBND xã Trịnh Tường, 2020). Mặc dù trong danh sách đơn vị hành chính chỉ tồn tại hai thôn Tùng Chín 2 và Tùng Chín 3, nhưng trên thực tế tại địa phương, nhắc đến Tùng Chín là người dân nói đến cả 3 khu vực: Tùng Chín 1, Tùng Chín 2 và Tùng Chín 3.

Lịch sử tách thôn Tùng Chín khá phức tạp và có nhiều thông tin khác nhau từ người dân. Khi so sánh các thông tin, chúng tôi suy đoán rằng thôn Tùng Chín thực sự tồn tại như một đơn vị hành chính bắt đầu vào những năm đầu 1960 với các cư dân sống chủ yếu ở khu vực rẻo cao cùng một bộ phận nhỏ ở lưng chừng đồi tỏa ra hai phía của con suối Tùng Chín và suối Ná Đoong (Hình 1). Dần dần, càng ngày càng có thêm nhiều cư dân sống ở lưng chừng đồi và phần thấp hơn của con suối. Có thể thấy, đặc điểm cư trú của họ phân bố thành các nhóm cư dân nhỏ tương đối rải rác dọc theo con suối với vị trí tách xa nhau, do đó để phân biệt cũng như định vị các nhóm này trong cùng phạm vi một thôn, người ta bắt đầu phân ra các nhóm Tùng Chín 1 và Tùng Chín 2. Trong đó, Tùng Chín 1 bao gồm 4 khu: khu 1 (vùng thấp nhất, bao gồm khu vực bị lũ quét 2008), khu 2 (vùng ở lưng chừng núi), khu 3 (vùng cao) và khu Ná Đoong (vùng gần nhất với đầu nguồn suối Ná Đoong). Sau trận lũ quét, thôn Tùng Chín 3 được xác lập dựa trên việc tách một phần của thôn Tùng Chín 1 (khu 2, khu 3 và khu Ná Đoong). Kể từ cuối năm 2020, thôn Tùng Chín 1 đã không còn trên bản đồ địa giới hành chính xã bằng việc tách đôi thôn và sáp nhập một nửa với thôn Tùng Chín 3, một nửa với thôn Tùng Chín 2. Tuy nhiên, để thống nhất trong bài viết này chúng tôi sẽ sử dụng tên gọi của các khu vực vào thời điểm xảy ra lũ quét.

Nơi xảy ra trận lũ quét là vùng thấp của suối Tùng Chín và tất cả những người dân bị thiệt hại về nhà cửa và tính mạng lúc đó thuộc thôn Tùng Chín 1 (khu 1). Tuy nhiên, họ thường là những cư dân từ khu 2, khu 3 của Tùng Chín 1 chuyển xuống. Ngoài ra, những hộ bị thiệt hại về diện tích đất sản xuất (chủ yếu là ruộng lúa) là những hộ thuộc cả 4 khu của Tùng Chín 1 (chủ yếu là khu 2 và khu 3) và một số thuộc Tùng Chín 2.

1.2. Khái niệm

Trong bài viết này, chúng tôi sẽ sử dụng hai khái niệm chính: tính dễ bị tổn thương và khả năng thích ứng. Trong các nghiên cứu về khả năng thích ứng (adaptive capacity) với thiên tai và biến đổi khí hậu, tính dễ bị tổn thương được coi là tỉ lệ thuận với “độ phơi nhiễm” với thiên tai, “độ nhạy cảm” (tuổi, sức khỏe...) và tỉ lệ nghịch với “khả năng thích ứng” của người dân (IPCC, 2007; Kelly và Agger, 2000). Nếu áp dụng vào một trường hợp cụ thể thì độ phơi nhiễm với thiên tai có nghĩa là người dân sống ở cạnh sông suối thì có độ phơi nhiễm cao với lũ, cư dân ven biển thì có độ phơi nhiễm cao với bão. Độ nhạy cảm bao gồm các yếu tố như tuổi, giới tính, nhà cửa không kiên cố hay loại hình sinh kế nhạy cảm với thiên tai. Ví dụ,

cùng có độ phơi nhiễm như nhau nhưng người già có sức khỏe không tốt sẽ có độ nhạy cảm cao hơn và do đó tính dễ bị tổn thương lớn hơn.

Năng lực thích ứng có thể được hiểu là khả năng thực hiện bất kỳ điều chỉnh nào cần thiết để giảm bớt các tác động tiêu cực của thiên tai, đối phó với những tác động không thể tránh khỏi và tận dụng các cơ hội có thể phát sinh. Khả năng thích ứng (của tác nhân) phụ thuộc vào các yếu tố như tài chính, nhận thức và hiểu biết, vật chất, xã hội, thể chế (Phan Văn Tân, 2015). Ví dụ, khả năng kinh tế cho phép xây một ngôi nhà kiên cố hơn hay phục hồi sinh kế nhanh hơn sau thiên tai, nhận thức chính xác về hiểm họa thiên tai giúp người ta tránh được những vùng có rủi ro cao. Năng lực thể chế ảnh hưởng đến mức độ tiếp cận thông tin hỗ trợ lập kế hoạch phòng ngừa và ứng phó với thảm họa. Cơ sở hạ tầng tốt có thể giảm nhẹ tác động và thiệt hại do thiên tai gây ra. Quan hệ xã hội tạo nên vốn xã hội cung cấp sự hỗ trợ lẫn nhau giữa những người dân trong cùng một cộng đồng cả trong và sau thiên tai.

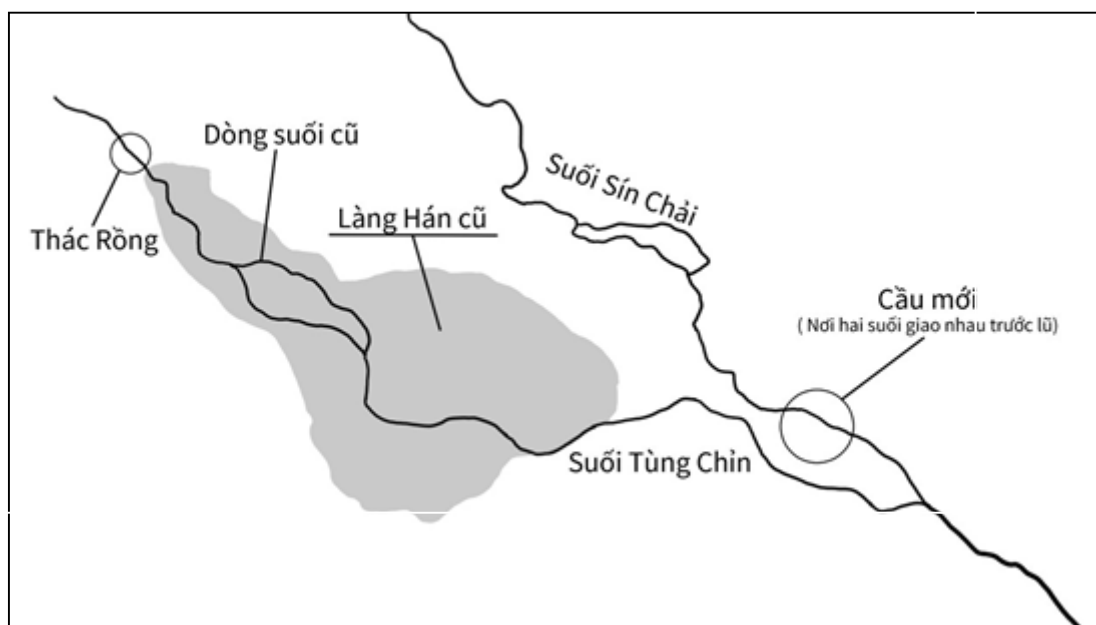
2. Làng Hán và tính dễ bị tổn thương của cư dân trong trận lũ lịch sử năm 2008

2.1. Trận lũ quét lịch sử năm 2008

Trận lũ quét qua thôn Tùng Chín đã cướp đi tính mạng của 19 người (chỉ tìm thấy thi thể của 7 người) và làm thiệt hại 24 ngôi nhà, trong đó cuốn trôi hoàn toàn 20 ngôi nhà cùng toàn bộ tài sản và vật nuôi, đồng thời vùi lấp hơn 8ha đất ruộng. Theo trí nhớ của người dân, cơn lũ quét ập đến vào rạng sáng ngày mùng 9 tháng 8 năm 2008 là kết quả của đợt mưa kéo dài ba ngày liên tiếp, đặc biệt là đêm mùng 8. Bà Tần Diết M. cho biết “*Lúc 4 giờ sáng trời mưa rất to, mặt đất rung chuyển như có xe ô tô chạy từ trên Tùng Chín 3 xuống vậy*”. Bà Tần Mùi Nh. thì ấn tượng bởi những vầng sáng rất lạ ở trên trời. Anh Tần Tôn S. kể lại, khi anh đang ngủ thì cảm thấy “*lung uớt, giật mình tỉnh giấc mới biết rằng lũ đã lên đến tận sân nhà*”. Anh cùng gia đình vội vàng chạy lên ngọn đồi gần nhất, không kịp mang theo tài sản gì. Với đại gia đình ông Phan Chín S., nhờ cảm nhận được mùi đất mà kịp thời chạy thoát. Không may cho ông, hôm đó vợ ông đến ngủ với một trong hai người con gái. Do nước ập về quá nhanh và cuốn trôi mọi thứ trong tích tắc, ông đã không kịp chạy đến đó cứu vợ, con gái và cả hai đứa cháu ngoại. Con rể ông là anh Lò A Kh. đêm hôm đó không có nhà, gần sáng mới biết thì lũ đã cuốn đi những người thân yêu nhất của mình. Toàn bộ những hộ gia đình bị thiệt hại về người, nhà và ruộng đều nằm tập trung ở một vùng ven suối được người dân quen gọi là “làng Hán”, một địa danh gây cho chúng tôi rất nhiều tò mò ngay lần đầu nghe thấy.

Đa phần người dân cho rằng nguyên nhân xảy ra trận lũ quét này do mưa lớn kéo dài dẫn đến sạt lở ở đầu nguồn, được xác định là khu vực thác Ròng (hay Chừ Hùng Tôm trong tiếng địa phương). Theo người dân và cán bộ đồn biên phòng xã, trước khi lũ xảy ra không lâu, trên thượng nguồn suối Tùng Chín đã xảy ra sạt lở đất ở triền núi, dẫn đến chặn lấp dòng chảy của suối và tạo nên một đập chắn tạm thời. Đặc biệt, ngay sau đó cơn bão số 4 xuất hiện và gây mưa lớn kéo dài từ mùng 6 tháng 8 trên địa bàn huyện Bát Xát (tại trạm Bát Xát, có những lúc lượng mưa đạt trên 500mm) đã tích một lượng lớn nước trong “đập” chắn. Rạng sáng ngày mùng 9, trời mưa to không ngừng khiến cho hồ nước được tạo nên do đập chắn tạm

thời trên thượng nguồn suối Tùng Chín vỡ toác, hàng triệu mét khối nước ồ ạt tràn vào điểm dân cư (Trần Thanh Hà, 2013). Con lũ đã quét sạch khu vực này đồng thời lấp lên một lượng bùn đá khổng lồ. Sau này, chúng tôi đã có dịp đi thăm điểm sạt lở ở đầu nguồn và thấy có nhiều thảo quả được trồng ở xung quanh đó. Kết nối với việc có nhiều người dân chia sẻ trước đó rằng họ đã mất hết nương thảo quả ở khu vực này, chúng tôi không loại trừ khả năng các khu vực canh tác thảo quả đã có ảnh hưởng không nhỏ đến việc suy giảm thảm thực vật và gây ra sạt lở sau đợt mưa dài. Tóm lại, nguyên nhân của cơn lũ có thể được gây ra bởi sự kết hợp giữa một hiện tượng thời tiết cực đoan (mưa lớn) và hành vi của con người (các thực hành sử dụng đất). Rõ ràng vị trí thôn Tùng Chín (làng Hán) có “độ phơi nhiễm” (exposure) cao với lũ quét. Nếu nhìn trên bản đồ (Hình 1) thì đây là một vùng rất thấp, ở không xa dòng suối lớn mang tên Tùng Chín. Vậy người dân ở đây có biết về rủi ro này hay không? Câu hỏi này sẽ được tìm hiểu ở phần tiếp theo.



**Hình 1. Vị trí làng Hán cũ ở vùng thấp nhất của thung lũng Tùng Chín
(Sơ đồ hóa các dòng chảy trên cơ sở bản đồ địa hình).**

Nguồn: <https://earth.google.com/>, truy cập ngày 17/5/2021.

2.2. Nhận thức về rủi ro của người dân

Nhiều người dân được phỏng vấn kể lại rằng các cụ trong làng từng nhắc đến sự tồn tại của trận lũ lớn đã từng quét qua đây cũng như chu kỳ đổi dòng của nó. Có người nhắc đến chu kỳ 100 năm (phỏng vấn Phàn Duôn S.), 200 năm (phỏng vấn Tản Diết M.), có người nói đến chu kỳ ngàn năm (phỏng vấn Phàn Chín S.). Dù không ai từng sống trong giai đoạn xảy ra trận lũ truyền thuyết, nhưng những người già vẫn tin vào tàn tích được cho là dấu vết còn lại của nó, đó là những tảng đá lớn hay những lớp đá rải rác đầy khắp khu vực này. Họ nghĩ rằng

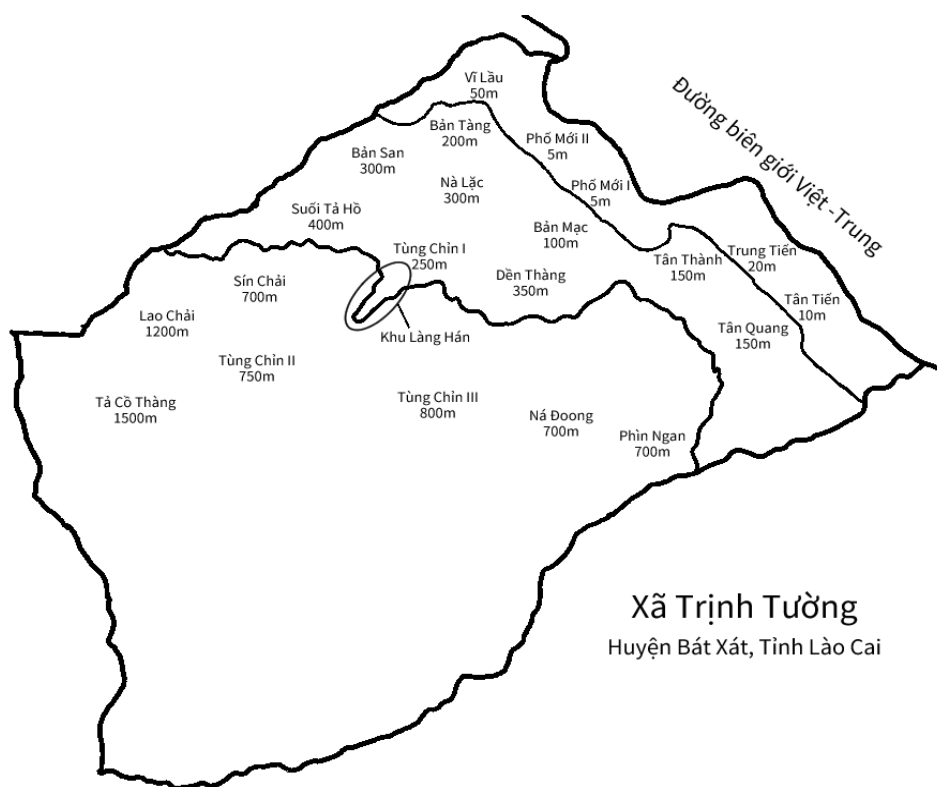
làng Hán là nơi tồn tại lòng suối cổ trước khi có cơn lũ truyền thuyết. Cơn lũ bùn đá năm 2008 ập đến đã cuốn trôi và làm thiệt hại toàn bộ 24 ngôi nhà tại thôn Tùng Chín - là địa bàn thuộc làng Hán cũ và vùi lấp lòng suối tại thời điểm đó làm cho nó đổi dòng lệch sang khoảng vài chục mét về phía tây bắc, tạo thành dòng mới như hiện nay. Ông Lý Cáo Ch. kể rằng trước khi có lũ vài giờ, bố của ông là Lý Dú S. đã cảnh báo với gia đình rằng suối Tùng Chín trước đó chảy qua làng Hán nhưng đã đổi dòng, nếu mưa to như thời điểm đó thì có thể suối sẽ đổi lại về dòng cũ. Nhờ thông tin này mà gia đình ông đã nhanh chóng di tản trước khi trận lũ lớn xảy ra. Ông Phan Duồn S. (nguyên cán bộ thôn vào thời điểm lũ năm 2008 xảy ra) nói rằng, bố ông ấy luôn luôn nhắc câu nói của các cụ: *“Núi không biết đường về nhưng suối bao giờ cũng biết đường về”* để cảnh báo rằng, chắc chắn sau một thời gian, con suối lại quay lại dòng cũ, tức là gây ra lũ ở địa phận làng Hán (phỏng vấn ông Phan Duồn S.). Thông tin về việc lũ đổi dòng này dù được cảnh báo thông qua dân gian truyền miệng nhiều lần, nhưng phần lớn dân làng đã không để tâm đến do chưa có ai từng chứng kiến về chu kỳ đổi dòng này. Chỉ cho đến khi cơn lũ quét năm 2008 xảy ra, họ mới bàn luận và nhắc nhiều đến câu chuyện này vừa như một sự thực đã được kiểm chứng cũng như để tự cảnh tỉnh và nhắc nhở các thế hệ sau này. Mặt khác, trước trận lũ quét 2008, chính quyền địa phương cũng đã tiến hành một cuộc khảo sát thăm dò mức độ nguy hiểm và quyết định tuyên truyền người dân rời khỏi khu vực làng Hán - nơi được nhận định là vùng có rủi ro cao. Tuy nhiên, mọi cuộc vận động đều thất bại do nhà nước không có chính sách hỗ trợ kèm theo cho các hộ gia đình, trong khi làng Hán đang là vùng trù phú và kinh tế phát triển ổn định nhất xã.

2.3. Quá trình chuyển cư và sự hình thành tính dễ bị tổn thương với lũ quét

Dường như lời cảnh báo về lũ đã không ngăn cản được người dân chọn ở lại làng Hán cũ sinh sống. Chúng tôi tìm hiểu tại sao họ lại sinh sống ở một điểm có “độ phơi nhiễm” cao đến như vậy dù đã có những nghi ngại của người lớn tuổi trong cộng đồng cũng như cảnh báo của chính quyền. Đây là kết quả của một quá trình chuyển cư kéo dài 5-6 thập kỷ trở lại đây và chịu sự tác động của nhiều yếu tố lịch sử, xã hội, văn hóa, kinh tế, chính trị khác nhau. Những câu chuyện được kể về mỗi gia đình ở đây đều hàm chứa một lịch sử chuyển cư phức tạp, mỗi hộ đều đã từng chuyển nhà từ năm đến mười lần tới các địa điểm khác nhau là những câu chuyện chúng tôi được nghe hàng ngày trên thực địa. Rõ ràng lịch sử này liên quan đến một số yếu tố chính bao gồm: sinh kế do tự người dân thay đổi hoặc do chính sách nhà nước tác động (các chính sách xây dựng vùng kinh tế mới, định canh định cư và tập thể hóa trong thời kỳ kinh tế bao cấp¹, các chính sách phát triển kinh tế - xã hội từ sau Đổi mới), các lý do khác như tập quán cư trú, quan hệ với môi trường, tín ngưỡng, cấu trúc xã hội - nhân khẩu học, việc chia đất đai cho các con,... Vào những năm cuối của thập kỷ 1960, một bộ phận cư dân đầu tiên đến từ xã Y Tý để tìm đất làm ăn. Họ dừng lại ở địa phận thôn Phìn Ngan và Tùng Chín (Tùng Chín 3 hiện tại) là vùng có độ cao 700-800m. Cũng vì lý do sinh kế, có một

¹ Chẳng hạn như việc thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-TW Về vấn đề phát triển nông nghiệp ở miền núi của Đảng (1963) hay Nghị quyết số 38/CP Về công tác vận động định canh định cư kết hợp với hợp tác hóa đối với đồng bào hiện còn du canh, du cư của Hội đồng Chính phủ (1968).

số người đến từ các vùng cao của xã Nậm Chạc và A Mú Sung, Mường Hum, Dền Thàng. Thời gian này, sinh kế của họ chủ yếu vẫn dựa vào nương rẫy. Ở các khu vực thấp hơn, có người Hoa về vùng này sinh sống và lập nên làng Hán², họ ngay lập tức định cư ở vùng thấp có độ cao 100-250m bên cạnh những con suối lớn để khai thác triệt để nguồn nước làm ruộng. Ngoài làng Hán còn có “*bản Mạc có nhiều người Giáy*”, “*hai thôn Phố Mới ở sát biên giới cũng là toàn người Hoa sinh sống*” (phỏng vấn ông Lý Láo Nh.). Từ cuối năm 1978, các gia đình người Hoa bắt đầu nghe theo vận động hồi hương của Chính phủ Trung Quốc và sau khi chiến tranh biên giới 1979 xảy ra thì tất cả người Hoa ở khu vực này đã về nước. Sự kiện này đã thúc đẩy một làn sóng chuyển cư tiếp theo. Năm 1979, bắt đầu có những người Dao xuống vùng này để làm ruộng nước và chăn nuôi. Họ làm lán, thường là những lán tạm, nhưng đôi khi khá kiên cố để có thể qua đêm và dần dần họ sống luôn ở đó. Theo ông Vũ A L., cán bộ lâu năm ở xã Trịnh Tường, sau năm 1979 có khoảng 18-19 hộ đang ở lưng chừng đồi chuyển xuống làng Hán sinh sống để thuận tiện cho việc đi lại. Việc người Hoa đi khỏi đây đã tạo điều kiện cho những cư dân sống ở vùng cao hơn chuyển xuống vùng thấp để làm thêm ruộng nước.



Hình 2. Bản đồ thể hiện 3 lớp độ cao của xã Trịnh Tường (Sơ đồ hóa trên cơ sở bản đồ địa hình).

Nguồn: <https://earth.google.com/>, truy cập ngày 15/5/2021.

² Tuy gọi là làng Hán nhưng những người dân ở đây không chắc chắn là những người Hoa ở đây là người Hán mà có thể là các tộc người khác có nguồn gốc ở Trung Quốc.

Việc chuyển xuống làng Hán sau năm 1979 được cho là do người dân tự phát vì nguyên nhân sinh kế (theo ông Vũ A L.), đồng thời là kết quả của quá trình “hạ sơn” của người dân từ những vùng cao xuống vùng thấp để sinh sống theo chính sách định canh định cư những năm 1960 - 1980. Chính sách này được song hành với mô hình hợp tác xã nông nghiệp và chính sách kinh tế mới triển khai trên toàn quốc (McElwee, 2016; Nguyễn Văn Chính, 2008; Salemin, 2013). Ông Vũ A L. làm cán bộ xã từ năm 1975 đến năm 2010 và thường xuyên là người đi vận động người dân xuống núi giải thích rằng toàn bộ các thôn tại xã Trịnh Tường được phân làm 3 lớp. Nếu chúng ta nhìn trên bản đồ địa hình (Hình 2) thì có thể nhận thấy, lớp 1 gồm các bản mới thành lập sau những năm 1990 là các bản ở dưới thấp (dưới 50m) nằm sát biên giới Việt Nam - Trung Quốc, lớp 2 gồm các bản ở độ cao 100 - 400m và lớp 3 là những bản cao nhất (700 - 1500m). Chính sách định canh định cư ở đây là chuyển dân từ lớp 3 xuống lớp 2, từ lớp 2 xuống lớp 1. Sau chiến tranh biên giới, để tạo điều kiện cho việc định canh định cư, chính quyền địa phương đã chia ruộng của các chủ cũ người Hoa bỏ lại cho những cư dân người Dao muốn chuyển xuống làng Hán. Đồng thời, mỗi hộ được hỗ trợ thêm 700 - 800 đồng. Ngoài diện tích ruộng được chia, người dân được cấp giống lúa mới để làm hai vụ lúa nước, khuyến khích khai khẩn những diện tích mới để canh tác lúa nước nhằm đảm bảo lương thực cho hộ gia đình.

3. Định cư, chuyển cư và phục hồi sinh kế sau thiên tai: Sự đa dạng của các xu hướng thích ứng

3.1. Các hộ gia đình bị thiệt hại

Các dữ liệu điền dã cho thấy số hộ bị mất nhà và phải di dời sau cơn lũ lên đến 24 hộ. Ngoài khu vực này, tại các thôn khác cũng có rất nhiều hộ không bị mất nhà nhưng bị mất ruộng. Tuy nhiên, trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi chỉ tập trung vào các hộ bị mất nhà vì đây cũng đồng thời là những hộ bị mất người và mất ruộng, đồng nghĩa với việc họ là những nạn nhân bị thiệt hại nặng nhất của trận lũ lịch sử. Sau trận lũ quét xảy ra, những người dân mất nhà được đưa về tạm trú ở Đoàn biên phòng Trịnh Tường trong hơn hai tuần cho đến khi được chuyển về các khu tái định cư. Các hộ gia đình được hỗ trợ đất tái định cư, gỗ từ Đoàn biên phòng để dựng nhà ở tạm và nhiều hỗ trợ khác như tiền mặt, đồ gia dụng, lương thực thực phẩm từ chính quyền và các đoàn hảo tâm - các nguồn lực giúp họ tái thiết sinh kế và điều kiện cư trú. Những hộ dân mất người cũng được Nhà nước hỗ trợ 7 triệu đồng/người, được người dân gọi là “tiền tang”.

Có hai khu đất tái định cư chính là khu Đông Ré, cách trụ sở Ủy ban nhân dân xã khoảng 2 km và xa hơn một chút là khu Làng Mới nằm trên đường lên Tùng Chín 3. Những lô đất tái định cư có diện tích khoảng 400m² được chính quyền vận động các chủ đất hiến cho người dân. Các hộ dân được nhận đất phải bỏ ra 1,2 triệu đồng để trả tiền nền nhà và đền bù giá trị cây trồng (chủ yếu là cọ) cho chủ đất. Trong bảng thống kê dưới đây, chúng tôi đã liệt kê 24 hộ gia đình ở làng Hán đã bị ảnh hưởng thiệt hại bởi cơn lũ 2008. Bảng này mô tả từng hộ gia đình được hưởng đất tái định cư ở đâu và so với nơi ở hiện tại để nhấn mạnh sự năng động trong việc cư trú của người dân.

Bảng 1: Thống kê các hộ bị thiệt hại do cơn lũ lịch sử 2008

STT	Tên chủ hộ gốc/năm sinh	Tên chủ hộ hiện tại/Năm sinh	Chỗ ở hiện tại	Đất tái định cư
1	Lý Kìn L. (1960)	Lý Kìn L. (1960)	Tùng Chín 3	Nhận đất tái định cư ở Làng Mới
2	Lý Văn S. (Đã mất sau lũ)		Tùng Chín 3	Nhận đất tái định cư ở Làng Mới
3	Lý Láo L. (1965)	Lý Láo L. (1965)	Làng Mới	Nhận đất tái định cư ở Làng Mới
4	Lý Kìn Th. (197x) ³	Lý Kìn Th. (197x)	Ven Làng Hán	Nhận đất tái định cư ở Đông Ré
5	Tần Sìn V. (Đã mất sau lũ)	Lý Tả M. (Vợ) (195x)	Đông Ré	Nhận đất tái định cư ở Đông Ré
		Lò A P. (Con riêng của vợ) (1988)	Sa Pa	
6	Lò A Kh. (1986)	Lò A Kh. (1986)	Làng Mới	Nhận đất tái định cư ở Làng Mới
7	Phàn Chín S. (1949)	Phàn Chín S. (1949)	Tùng Chín 2	Nhận đất tái định cư ở Đông Ré
		Phàn Trung Ph. (1991)	Đông Ré	
		Phàn Trung K. (đã tách khẩu trước lũ) (1985)	Đông Ré	Nhận đất tái định cư ở Đông Ré
8	Phàn Láo S. (1979)	Phàn Láo S. (1979)	Tùng Chín 2	Nhận đất tái định cư ở Đông Ré
9	Phàn Phù Ng. (1978)	Phàn Phù Ng. (1978)	Tùng Chín 2	Do nhà lâu không có người ở nên không được nhận đất tái định cư
10	Phàn Sìn L.	Phàn Láo S. (198x)	Tân Tiến	Không nhận đất tái định cư để chuyển cư đến thôn Tân Tiến
11	Lý Dú S. (Đã mất năm 2009)	Lý Láo S. (197x)	Ven Làng Hán	Nhận đất tái định cư ở Làng Mới
		Lý Ông P. (đã tách khẩu trước lũ) (198x)	Ven Làng Hán	Nhận đất tái định cư ở khu Đông Ré nhưng

³ x là những người chưa rõ năm sinh.

				không ở
12	Lý Cáo Ch. (1966)	Lý Cáo Ch. (1966)	Đông Ré	Nhận đất tái định cư ở Đông Ré
13	Tần Phù S. (Đã mất sau lũ)	Chảo Sửu M. (vợ) (1959)	Làng Mới	Nhận đất tái định cư ở Làng Mới
14	Tần Láo T. (197x)	Tần Láo T. (197x)	Làng Mới	Nhận đất tái định cư ở Làng Mới
15	Tần Ton S. (1984)	Tần Ton S. (1984)	Làng Mới	Nhận đất tái định cư ở Làng Mới
16	Phàn Cáo D. (1986)	Phàn Cáo D. (1986)	Ven Làng Hán	Nhận đất tái định cư ở Làng Mới
17	Lý Dữu Ng. (Đã mất sau lũ)	Lý Láo L. (Con trai) (1986)	Làng Mới	Nhận đất tái định cư ở Đông Ré
18	Lý Láo S. (1983)	Lý Láo S. (1983)	Tân Tiến	Nhận đất tái định cư ở Làng Mới
19	Phàn Duồn V. (Đã mất/mất tích sau lũ)		Đông Ré	Nhận đất tái định cư ở Đông Ré
20	Tần Phù S. (1973)	Tần Phù S. (1973)	Làng Mới	Nhận đất tái định cư ở Làng Mới
21	Vàng Duồn S. (1959 - 2019)		Tùng Chín 3	Nhận đất tái định cư ở Đông Ré
22	Phàn Duồn S. (1963)	Phàn Duồn S. (1963)	Ven Làng Hán	Nhận đất tái định cư ở Đông Ré
		Phàn Láo S. (Con trai) (1984)	Ven Làng Hán	
23	Lý Dữu L. (Đã mất sau lũ)	Phàn Ông Ch. (Con riêng của vợ) (1992)	Đông Ré	Nhận đất tái định cư ở Đông Ré
24	Phàn Duồn Ch. (Đã mất năm 2009)	Chảo Ú M. (vợ) (196x)	Đông Ré	Được phân đất ở Làng Mới nhưng không nhận

3.2. Các xu thế phục hồi nhà ở và sinh kế sau thiên tai

Tính đến năm 2023 tức là 15 năm sau trận lũ, các gia đình bị thiệt hại đã phần nào ổn định cuộc sống. Một số người mất vợ đã tái hôn. Từ năm 2008 đến năm 2021 cũng đã có 7 chủ hộ đã mất (hộ số 2, 5, 13, 17, 19, 23, 24), trong đó có hai hộ không còn ai trong gia đình (hộ số 2 và số 19) nên chúng tôi không phân tích, những người còn lại chúng tôi đều thu thập được thông tin về nơi họ cư trú sau lũ. Trên tổng số 24 hộ bị thiệt hại, ngoại trừ hai hộ không

còn một ai, 22 hộ còn lại mà chúng tôi có thông tin về việc lựa chọn nơi cư trú sau lũ tính đến năm 2021 đã tách thành 27 hộ. Như vậy, số hộ mà chúng tôi phân tích là 27. Dựa trên các phân tích này, chúng tôi đã quan sát, tìm hiểu, thống kê sự thay đổi về chỗ ở và chuyển đổi sinh kế, từ đó rút ra rằng các động năng về nhà ở và sinh kế là hai vấn đề gắn liền với nhau. Nói cách khác, bài viết muốn chỉ ra các động năng về lựa chọn nơi ở chính là chỉ báo về các chiến lược sinh kế sau lũ. Dựa vào đó, có thể xác định 4 xu thế chính (Bảng 2): *Thứ nhất*, làm nhà tại khu tái định cư đã được Nhà nước hỗ trợ đất (12 hộ), các hộ này có khó khăn về sinh kế và họ phải có một sinh kế mới phi nông nghiệp để tiếp tục tồn tại và phát triển; *Thứ hai*, chuyển lên ở các khu đất cao hơn (thượng sơn) (10 hộ); *Thứ ba*, chuyển đến các khu đất ở thấp hơn làng Hán (hạ sơn) (4 hộ); *Thứ tư*, đi nơi khác (xã/huyện/tỉnh khác) làm ăn (1 hộ). Tuy nhiên, vì việc lựa chọn chỗ ở và phát triển sinh kế sau lũ diễn ra một cách “bất định” và theo “giai đoạn”, các xu thế có sự chồng chéo nhất định, nghĩa là một hộ được xếp vào một xu thế vào thời điểm nghiên cứu thì có thể lại thuộc một xu thế khác ở một giai đoạn nào đó trong quá khứ.

Bảng 2: Bảng thống kê các xu hướng chọn địa điểm cư trú mới và phục hồi sinh kế

STT	Xu thế chọn nơi cư trú sau lũ			Chiến lược phục hồi sinh kế
	Các xu hướng cư trú	Số hộ	Lý do các cá nhân đưa ra	Các chiến lược mang tính đại diện
1	Ở lại khu tái định cư	12	Không có đất ở chỗ khác để xây nhà	Kết hợp phi nông nghiệp và nông nghiệp (chỉ đủ lương thực để ăn cho hộ gia đình hoặc chăn thả gia súc).
2	Thượng sơn	10	- Chỗ ở an toàn so với nguy cơ lũ và sạt lở - Gần ruộng nương	- Sinh kế nông, lâm nghiệp đóng vai trò chính - Sinh kế phi nông nghiệp: làm thuê tại địa phương khi có cơ hội - Tích lũy vốn từ các hoạt động phi nông nghiệp để phát triển nông nghiệp
3	Hạ sơn	4	- Ở nơi thuận tiện (gần điện, đường, trường, trạm) - Gần các khu ruộng nước mua lại được từ các nhóm ở thấp hơn (ví dụ người Giáy)	Tập trung vào nông nghiệp ở các khu ruộng mua được từ tiền bán thảo quả, tận dụng cơ hội chính sách
4	Chuyển đi nơi khác	1	Không thành công trong việc phát triển nông nghiệp ở địa phương	Tìm kiếm nguồn thu để tích lũy từ việc làm thuê ở các địa phương, phát triển kinh tế phi nông nghiệp (công nghiệp, du lịch...).

Xu thế 1: 12 hộ làm nhà và sinh sống ở khu tái định cư sau lũ: Lý Láo L. (3)⁴, Lý Tả M. (vợ của Tần Sìn V. đã mất) (5), Lò A Kh. (6), Phan Trung Ph. (7), Phan Trung K. (7), Lý Cáo Ch. (11), Chảo Sừ M. (vợ Tần Phù S. đã mất) (12), Tần Láo T. (13), Tần Ton S. (15), Lý Láo L. (con trai Lý Dịu Ng. đã mất) (17), Tần Phù S. (20), Phan Ông Ch. (con vợ của Lý Dịu L. đã mất) (23).

Sau khi nhận được đất ở hai khu tái định cư và gỡ do đồn biên phòng Trịnh Tường hỗ trợ, hầu hết các hộ (21/27 hộ) đã làm nhà ở khu tái định cư để ổn định sinh hoạt. Tuy nhiên, dần dần theo thời gian có nhiều hộ chuyển cư đi nơi khác, chủ yếu do nhu cầu sinh kế. Điểm chung của những khu đất tái định cư là diện tích nhỏ nên các gia đình chỉ có thể làm nhà chứ không thể tăng gia sản xuất và chăn nuôi. Dù hầu hết các hộ đã bị mất ruộng, họ không được hỗ trợ về đất ruộng để có thể canh tác nên mỗi gia đình xoay sở theo cách riêng để có ruộng canh tác bằng thu nhập tích lũy được từ sau lũ. Một số người dùng tiền tích lũy được từ thu nhập bán thảo quả trồng ở trong rừng để mua các khu ruộng mới, hầu hết đều ở xa nhà ở chính của họ. Các hộ dân này thường có hoạt động nông nghiệp (thường chỉ đủ ăn) và hoạt động phi nông nghiệp để kiếm sống. Nhiều hộ trong số này quay lại làng Hán để chăn nuôi và bắt đầu trồng trọt lại (chủ yếu là cây chuối và ngô) (Hình 3).



Hình 3. Lán của ông Tần Phù S. mới được dựng ở khu vực làng Hán.

(Ảnh do Nguyễn Nhật Anh chụp năm 2021)

⁴ Số này tương ứng với số thứ tự trong Bảng 1.

Có sự khác biệt giữa hai khu đất tái định cư ở Làng Mới và Đông Ré, do tác động bởi chính sách quy hoạch đất đai của Nhà nước. Vào năm 2021, khi chúng tôi đến thực địa lần đầu, khu Đông Ré nằm ngay sau khu hành chính mới của xã và dọc con đường Trịnh Tường - Y Tý đã quy hoạch là đường du lịch của huyện Bát Xát, đang được san nền để thành các lô đất bán đấu giá cho người dân. Các hộ đã sinh sống ở khu đất này phải sống tạm ở những nơi khác để chờ được cấp lại đất trên chính khu vực họ đang ở. Yếu tố này tác động đến giá trị của các khu đất, đồng thời tác động đến lựa chọn tái định cư của nhiều hộ gia đình. Một số hộ gia đình đợi lấy được thửa đất đền bù để bán với giá hời rồi chuyển đi sinh sống nơi khác.

Một ví dụ đại diện cho nhóm ở lại khu tái định cư là anh Lò A Kh., con rể ông Phan Chin S., người đã mất nhà, mất vợ và hai con, được đền bù mảnh đất ở khu Làng Mới. Năm 2009, anh đã lấy vợ mới và sau đó có hai con. Năm 2012, anh dùng tiền hỗ trợ tang lễ của Nhà nước và tiền tích lũy để mua một mảnh ruộng của người Hà Nhì ở bản San Hồ với giá 20 triệu đồng. Với mảnh ruộng này, gia đình anh chỉ có đủ lương thực để ăn. Hàng ngày, anh Kh. đi làm thuê để kiếm sống còn vợ đi làm công nhân ở nhà máy gần đó. Năm 2017, vợ chồng anh đã tích góp được một ít tiền và vay mượn thêm để xây nhà mới bằng bê tông ở trên khu đất tái định cư.

Xu thế 2: 10 hộ thượng son: Lý Kin L. (1), Lý Kim Th. (4), Phan Láo S. (8), Phan Phù Ng. (9), Lý Láo S. và Lý Ông P. (10), Phan Cáo D. (15), Vàng Duồn S. đã mất (20), Phan Duồn S. và Phan Láo S. (22).

Trong số 10 hộ này, có một hộ (Lý Ông P.) nhận được đất tái định cư ở Đông Ré nhưng không ở từ đầu mà lên ở đất đồi của bố; hộ Phan Phù Ng. lại mua đất ở Đông Ré năm 2015 do đi làm xa tại thời điểm xảy ra lũ và không được cấp đất tái định cư, năm 2022 anh Ng. bán mảnh đất này lấy tiền chuyển lên ở trên khu đất được bố chia ở Tùng Chin 2; 8 hộ còn lại đều đã làm nhà và sinh sống một thời gian ở khu tái định cư, sau đó mới chuyển lên những khu đất cao hơn ở Tùng Chin 2 và Tùng Chin 3. Điểm chung của các hộ gia đình này là đều là muốn làm nông nghiệp dù rằng họ đã có thời gian làm phi nông nghiệp để tích lũy vốn mua đất ruộng/nương. Họ thường có sẵn đất để làm nhà, thường là các khu đồi đã được gia đình khai hoang từ trước. Việc chuyển cư của họ chủ yếu là để sinh sống gần các khu ruộng/nương cho tiện canh tác, ngoài ra họ chăn nuôi và trồng cây công nghiệp như quế, gần đây phát triển thêm cây chuối mô.

Trường hợp ông Phan Duồn S., người đã mất nhà, mất 5 người thân và 2 khách của con, đồng thời mất toàn bộ ruộng. Ông nhận được đất ở khu Đông Ré và đã cho con trai Phan Láo S., ông mua mảnh khác từ Lý Kin Th. rồi sống ở đó đến năm 2020 khi chính quyền giải tỏa khu này để làm thành khu đất bán đấu giá. Ông Duồn S. nhân cơ hội này đợi được đền bù đất sau khi công tác san gạt hoàn thành bán lấy tiền để xây dựng nhà trên khu đất có sẵn của gia đình trên đồi cao vào năm 2022. Ông Duồn S. có làm phi nông nghiệp, chủ yếu đi làm thợ xây. Hiện tại, cùng với người vợ mà ông tái hôn sau lũ, ông chăn nuôi, trồng 500 gốc chuối và khoảng 1.000 gốc quế.

Xu thế 3: 4 hộ hạ sơn: Phan Chín S. (7), Phan Sin L. (10), Lý Láo S. (18), Phan Duôn Ch. đã mất (24).

Các hộ này đã nhận được đất tái định cư nhưng chỉ ở đó một thời gian. Họ chuyển cư đến các vùng thấp hơn vì những lý do khác nhau. Có trường hợp là do tuổi tác cao nên muốn ở dưới thấp gần các thửa ruộng mới (ví dụ ông Phan Chín S.). Cũng có người tiếp tục làm nông nghiệp trên đất cũ do không bị hư hại và tận dụng chính sách của Nhà nước, cụ thể ở đây là chính sách “khép kín đường biên” và chương trình “thanh niên lập nghiệp”, để có thêm kinh phí chuyển cư. Một yếu tố quan trọng trong việc phát triển sinh kế của các hộ này là tiền thu nhập từ thảo quả.

Ông Phan Chín S. sinh năm 1949. Ông và vợ có tất cả 7 người con, 5 trai, 2 gái, trong đó hai người con trai đầu là con nuôi. Vào thời điểm lũ năm 2008, ba người con trai đầu và một người con gái đã ra ở riêng, trong đó có 3 người ở khu làng Hán (hai con trai và chị M. là con gái lấy anh Lò A Kh., hộ số 6), anh Th. đã xuống ở thôn Tân Tiến, hai con trai út thì vẫn ở với vợ chồng ông S. Hai vợ chồng anh Ng. (9) đi miền Nam làm ăn vào lúc lũ quét qua thôn Tùng Chín. Ông và các con (chưa lập gia đình đang sống với ông trong đó có con trai út là Ph.) cùng gia đình anh Láo S. (8) đã kịp chạy lũ và giữ được tính mạng. Không may, đêm đó vợ ông ngủ ở nhà con gái M., ông không kịp chạy đến đó để báo nên nhà chị M. trôi cùng với mẹ và hai con. Anh Lò A Kh. đêm đó đi vắng không ngủ ở nhà, sáng hôm sau về thì không còn vợ con cũng như tài sản. Như vậy, đại gia đình ông bị trôi 4 nóc nhà: nhà của chính ông, nhà anh Ng. (9), nhà anh Láo S. (8). và nhà chị M. (chồng là anh Kh., 6). Ông S. (7) và anh Láo S. được hỗ trợ hai suất đất ở khu Đông Ré và con rể ông là anh Lò A Kh. được hỗ trợ một suất đất ở khu Làng Mới, anh Ng. do đi vào miền Nam nên mất nhà nhưng không được hỗ trợ gì. Sau khi nhận được suất đất ở khu Đông Ré, ông S. làm lán để ở nhưng do không có ruộng gần khu ở mới nên ông phải về khu ruộng còn lại ven làng Hán để làm. Năm 2010, ông lấy một phụ nữ góa bụa và hai người ở trong một lán trên đường đi thôn Tùng Chín 2, cao hơn làng Hán một chút. Năm 2014, ông xây nhà bê tông trên một khu đất gần suối Sín Chải, được coi là an toàn trong tương quan với dòng chảy của lũ 2008. Khi ông xây xong nhà, có cán bộ địa phương đến cảnh báo độ rủi ro cao của vị trí nhà ở với lũ quét, tuy nhiên ông đã xây nhà bằng bê tông kiên cố nên không thể chuyển đi đâu nữa. Năm 2017, lũ suối Sín Chải lên đến tận nhà. Khi được hỏi về rủi ro về lũ của chỗ ở mới, ông nói rằng mình cũng biết là có rủi ro nhưng do tuổi già và không biết đi xe máy nên ông không có lựa chọn nào khác là làm nhà gần ruộng. Hiện tại có 3 nhà ở trong khu vực có độ phơi nhiễm cao và đã được chính quyền cảnh báo, trong đó nhà ông S. ở nơi thấp nhất. Vợ ông S. rất sợ khi trời mưa to, “*nếu mưa một ngày một đêm là phải lo chạy đi*”, đôi khi chỗ ở không mưa nhưng năm ngoái “*mưa to trên đầu nguồn, thấy có gỗ to trôi về suối cũng rất sợ*”. Khu ruộng ngay sau nhà mà hai vợ chồng ông S. mua được là nhờ vào nhiều cách khác nhau trong đó có thu nhập từ thảo quả. Vợ của ông có thêm thu nhập từ việc hái rau rừng bán ở chợ và các nhà hàng ở trung tâm Trịnh Tường. Có thể nói ông S. đang sống tại khu vực có độ phơi nhiễm cao nhưng vì lý do sinh kế

(gần ruộng) và yếu tố tuổi tác đã cản trở ông xây nhà ở một nơi an toàn hơn với lũ, dù rằng ông ý thức được phần nào rủi ro của mình.

Xu thế 4: 1 hộ người chuyển đi nơi khác, đó là Lò A P., con riêng của vợ Tần Sín V. (đã mất) (5) đi làm kinh tế xa rồi quay về Tùng Chín mua đất để ở và phát triển nông nghiệp. Năm 2008, anh P. ở cùng với mẹ và bố dượng. Sau lũ, gia đình được chia suất đất ở Đông Ré, họ ở cùng nhau cho đến khi anh P. kết hôn, ở rể nhà vợ tại Sapa. Hiện tại anh chủ yếu làm thuê cho homestay ở Y Tý. Đây không phải là trường hợp cá biệt. Anh Ng. con ông S. cũng đã đi miền Nam làm ăn nên khi lũ dù bị mất nhà nhưng không được cấp lại đất, anh đi làm xa nhiều năm để tích lũy tiền và về mua đất ở Đông Ré. Gần đây anh cũng quay lại làng Hán để làm nông nghiệp. Anh Ph., con út ông S. cũng có thời gian đi làm xa để tích lũy thêm vốn sau đó lại về lại Tùng Chín làm nông nghiệp.

Như vậy, với các ví dụ cụ thể minh họa cho từng xu thế phục hồi sinh kế và nhà ở, chúng ta có thể nhận thấy cách xếp loại chỉ mang tính chất nhất thời, tức là tình huống được quan sát vào một thời điểm nhất định và cách phân loại xu thế này giúp cho hiện thực xã hội trở nên dễ hiểu hơn. Trên thực tế, các hướng đi và chiến lược không cố định và tuyệt đối: trong một xu thế có thể có nhiều xu thế nhỏ hơn, các hộ gia đình cũng thay đổi chiến lược trong quá trình thích ứng của họ và một số hộ nằm giữa hai xu thế. Chẳng hạn, trong xu thế 1 ở khu tái định cư lại có những người quay lại làng Hán dựng lán để làm nông nghiệp (chăn nuôi, đào ao, trồng chuối, ngô...). Hay các hộ ở trong xu thế 2 thượng sơn có anh Láo S. (8) đã từng ở khu định cư (xu thế 1) trước khi thượng sơn, hoặc bố của anh là ông S. (7) được xếp vào nhóm hạ sơn (xu thế 3) trước đó cũng đã từng ở khu tái định cư (xu thế 1). Trường hợp gia đình anh Ng. (9) cũng thể hiện rất rõ sự “bất định” và theo “giai đoạn” của các lựa chọn chỗ ở và phát triển sinh kế sau lũ: thời điểm đầu sau lũ quét, gia đình anh theo xu thế 4 đi làm ăn và cư trú xa nhà, sau đó quay lại ở khu tái định cư (xu thế 1) trong vài năm và cuối cùng là thượng sơn (xu thế 2) - chuyển từ vùng thấp lên ở trên khu vực cao hơn.

4. Thảo luận và kết luận

Con lũ lịch sử năm 2008 đã làm thay đổi quan niệm về rủi ro thiên tai, cụ thể ở đây là lũ quét và sạt lở đất. Nếu như trước đây, những cư dân ở làng Hán bỏ ngoài tai câu chuyện về con lũ truyền thuyết thì giờ họ đã hiểu rằng mình đang ở một vùng có rủi ro rất cao. Sau con lũ, dù người dân được Nhà nước hỗ trợ những khu đất mới để tái định cư nhưng không phải ai cũng bằng lòng làm nhà ở khu vực được sắp xếp này. Có người chấp nhận, có người vẫn quay lại nơi ở cũ sinh sống mặc dù biết về mức độ nguy hiểm, có người lại thượng sơn để tránh lũ do có khả năng tạo ra sinh kế ở trên khu vực có độ cao. Như vậy, đối diện với cùng một rủi ro, nhận thức cũng như chiến lược của các gia đình thể hiện rất đa dạng.

Những quyết định chọn địa điểm dựng nhà không còn phụ thuộc hoàn toàn vào quan niệm về rủi ro của họ nữa mà còn phụ thuộc thêm vào các yếu tố sinh kế và nguồn lực của mỗi hộ gia đình. Nói cách khác, nhận thức về rủi ro có tác động đến việc lựa chọn địa điểm để sinh

sống. Tuy nhiên, việc quyết định sống ở đâu lại phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác như khả năng kinh tế và hoạt động sinh kế mà mỗi gia đình lựa chọn. Trong bối cảnh này, những phân tích ban đầu của chúng tôi cho thấy sự đa dạng của các hành vi thích ứng về nhà ở gắn liền với các chiến lược sinh kế. Mỗi liên hệ giữa nhà ở, chuyển cư và sinh kế không phải là điều mới mẻ và mang tính đặc thù của việc phục hồi sau lũ mà đã có từ lâu trong đời sống của người Dao. Như ở phần 2.3 chúng ta đã thấy trong lịch sử, hoàn toàn độc lập với vấn đề lũ quét, người Dao thường chuyển cư và thay đổi các khoảnh ruộng canh tác tùy theo cơ hội, hoàn cảnh, chiến lược sinh kế và chính sách của Nhà nước. Từ khi có chính sách định cư và phân ruộng đất cùng với việc hợp thức hóa sở hữu đất đai, họ khó thay đổi ruộng nương nhưng vẫn tiếp tục thay đổi chỗ ở, trong tương quan (hoàn toàn hoặc một phần) với sự lựa chọn sinh kế (gần ruộng nương, ở gần đường, mở cửa hàng cạnh đường, ở gần chợ hay trung tâm xã,...).

Các chiến lược sinh kế cũng thường bị chi phối bởi cấu trúc xã hội - nhân khẩu học như tuổi tác, vị trí trong gia đình và số anh chị em, tình trạng hôn nhân (ví dụ như việc một người ra ở riêng hay không vào thời điểm xảy ra lũ); việc tiếp cận với đất đai và quỹ đất khả dụng của mỗi hộ gia đình (chiến lược để có được đất đai, ví dụ có nhiều lao động sẽ khai hoang được nhiều hơn) và việc đất đai được chia cho các con như thế nào. Cuối cùng, động cơ cá nhân, hành vi, chiến lược, khả năng xây dựng quan hệ cũng là những yếu tố quan trọng quyết định khả năng phục hồi, thích ứng và mức độ dễ bị tổn thương. Giữa các tác động cấu trúc xã hội và năng lực tự thân (agency) của mỗi chủ thể, nhà nghiên cứu cũng không thể chắc chắn rằng đã tiếp cận hoàn toàn được với tất cả các lý do trên thực tế của các cá nhân dẫn tới những quyết định cư trú và sinh kế khác nhau. Tuy nhiên, trong bài viết này, mục đích của chúng tôi chỉ ra rằng: mỗi trường hợp là một cách kết hợp rất riêng các nhân tố khác nhau, chúng cần phải được mô tả để hiểu một cách rõ ràng những gì thực sự hình thành nên các phản ứng sau thảm họa thiên tai khác nhau. Chiến lược sinh kế của người dân dường như cũng là một tập hợp các hành động để xoay sở kế sinh nhai chứ chưa hẳn được tổ chức và thực hiện theo một định hướng để xây dựng năng lực thích ứng với thiên tai. Vì thế, cần phải nghiên cứu tính dễ bị tổn thương của các nhóm cư dân một cách kỹ lưỡng để có thể xây dựng chính sách quản lý rủi ro thiên tai phù hợp, tích hợp với chính sách phát triển - kinh tế xã hội, cho phép người dân phát triển sinh kế và tích hợp công tác tuyên truyền, cảnh báo thiên tai.

Cuối cùng, chúng tôi muốn khẳng định vai trò của nhân học và phương pháp dân tộc học đối với nghiên cứu về thích ứng với thiên tai và biến đổi khí hậu nói chung. Như chúng ta thấy rất rõ qua nghiên cứu trường hợp này, tính dễ bị tổn thương của một cá nhân, một nhóm cư dân hay một cộng đồng không chỉ phụ thuộc vào tính chất (tần số, cường độ...) của hiểm họa thiên tai (natural hazard). Nó được hình thành qua một quá trình lịch sử - xã hội - chính trị (xem thêm Faas, 2016), trong đó văn hóa ứng xử của một nhóm người, một cộng đồng là kết quả của tương tác qua lại giữa văn hóa, môi trường, sinh kế của họ với các chính sách vĩ mô cũng như các đặc thù địa phương (chẳng hạn như trong trường hợp này là chiến tranh biên

giới năm 1979). Khả năng thích ứng với thiên tai cũng như quan niệm về rủi ro của người dân đều là những chủ đề mà nhân học có thể nghiên cứu nhằm góp phần cho hoạch định chính sách trong lĩnh vực quản lý thiên tai nói chung và chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc miền núi nói riêng.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Chính (2008), “From swidden cultivation to fixed farming and settlement: effects of sedentarization policies among the Khmu in Vietnam”, *Journal of Vietnamese Studies*, 3 (3), pp. 44-80.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (1963), Nghị quyết số 71/NQ-TW, Ban hành ngày 22/2/1963 *Về vấn đề phát triển nông nghiệp ở miền núi*.
3. Faas, A. J. (2016), “Disaster vulnerability in anthropological perspective”, *Annals of Anthropological Practice*, 40 (1), pp. 14-27.
4. Trần Thanh Hà (2013), *Nghiên cứu địa mạo phục vụ giảm nhẹ, thiệt hại do tai biến trượt lở đất, lũ bùn đá ở tỉnh Lào Cai*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Hội đồng Chính phủ (1968), Nghị quyết số 38/CP, Ban hành ngày 12/3/1968, *Về công tác vận động định canh định cư kết hợp với hợp tác hóa đối với đồng bào hiện còn du canh, du cư*.
6. Intergovernmental Panel on Climate Change (IPCC) (2007), *Climate Change 2007: Impacts, Adaptation and Vulnerability. Contribution of Working Group II to the Fourth Assessment Report of the Intergovernmental Panel on Climate Change*, M. L. Parry, O. F. Canziani, J. P. Palutikof, P. J. van der Linden, and C. E. Hanson (eds.), Cambridge University Press, Cambridge, UK.
7. Kelly, P. M. and Adger, W. N. (2000), “Theory and Practice in Assessing Vulnerability to Climate Change and Facilitating Adaptation”, *Climatic Change*, 47 (4), pp. 325-52.
8. McElwee, Pamela D. (2016), *Forests are gold: Trees, people, and environmental rule in Vietnam*, University of Washington Press.
9. Salemin, Oscar (2013), “Sedentarization and selective preservation among the Montagnards in the Vietnamese Central Highlands”, *Turbulent Times and Enduring Peoples*, Routledge, pp. 139-64..
10. Phan Văn Tân (2015), *Khái luận thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu*, trên trang <http://danida.vnu.edu.vn/cpis/vn/content> (Truy cập ngày 9/3/2023).
11. Ủy ban nhân dân xã Trịnh Tường (2020), *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và thu - chi ngân sách nhà nước năm 2020; Phương hướng, nhiệm vụ giải pháp thực hiện năm 2021*.